TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐS
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐS, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long

Bà Trịnh Thị Bình

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Không tham gia.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 10/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 09 năm 2022 về ‘’Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 07/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan **O** - Sinh năm: 1984
Địa chỉ: Thôn **CB**, xã **ĐH**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:
Bà Lê Thị Hoa – Luật sư Văn phòng luật sư Việt Hoa, thuộc Đoàn Luật sư Thanh Hóa.
Địa chỉ: Số 09/91 Nguyên Hồng, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Gia **L** - Sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu phố Phượng Lĩnh *(trước đây là khối 3)*, thị trấn Rừng Thông, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan **O** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Thị Hoa trình bày:

Do mối quan hệ anh em, họ hàng *(chị **O** là em họ của anh **L**)*, nên ngày 05/02/2020 chị **O** có cho anh **L** vay số tiền là 2.800.000.000đ *(hai tỷ tám trăm triệu đồng)* để anh **L** lấy vốn làm ăn mua bán bất động sản, mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tính theo từng thời điểm. Hạn vay là 01 tháng, nếu anh **L** vẫn có nhu cầu vay tiếp và đóng lãi đầy đủ cho chị **O** thì chị **O** sẽ gia hạn tiếp theo cho anh **L**. Nếu chị **O** cần rút vốn về thì anh **L** bắt buộc phải trả đúng hẹn, kể từ ngày chị **O** thông báo cho anh **L** trong vòng một tháng phải trả hết số tiền vay cho chị **O**. Đến ngày 05/03/2020 chị **O** yêu cầu anh **L** nộp khoản tiền lãi cho chị **O** nhưng anh **L** không nộp nên chị **O** đã yêu cầu anh **L** trả cả lãi và cả khoản tiền gốc nhưng kể từ đó đến nay mặc dù chị **O** đã yêu cầu anh **L** trả nợ cho chị **O** nhiều lần nhưng anh **L** vẫn chưa trả cho chị **O** được đồng nào. Nay chị **O** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh **L** phải trả cho chị **O** số tiền gốc là 2.800.000.000đ *(hai tỷ tám trăm triệu đồng)*, tiền lãi *(lãi suất tính 0,56%/tháng tính từ ngày 05/03/2020 đến ngày làm đơn khởi kiện 23/06/2022* làm tròn là 27 tháng) là 15.680.000đ x 27 = 423.360.000đ *(bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)*. Tổng cộng gốc và lãi là 3.223.360.000đ *(ba tỷ hai trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Gia **L** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị **O** nhưng anh **L** không có mặt nên không có lời khai của anh **L** và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Lan **O** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Gia **L** phải trả cho chị **O** số tiền nợ gốc là 2.800.000.000đ *(hai tỷ tám trăm triệu đồng)*, tiền lãi *(lãi suất tính 0,56%/tháng tính từ ngày 05/03/2020 đến ngày làm đơn khởi kiện 23/06/2022* làm tròn là 27 tháng) là 15.680.000đ x 27 = 423.360.000đ *(bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng* . Tổng cộng gốc và lãi là 3.223.360.000đ *(ba tỷ hai trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)* nên xác định đây là quan hệ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự *(sau đây viết tắt là BLTTDS)*.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản cả nợ gốc và nợ lãi là 3.223.360.000đ *(ba tỷ hai trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)* đối với bị đơn anh Nguyễn Gia **L** , sinh năm 1982, địa chỉ: Khu phố Phượng Lĩnh *(trước đây là khối 3)*, thị trấn Rừng Thông, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh thanh Hóa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Nguyễn Gia **L**

không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **L** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **L** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **L** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay anh **L** đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan **O** yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Gia **L** trả số tiền nợ gốc 2.800.000.000đ *(hai tỷ tám trăm triệu đồng),* hội đồng xét xử xét thấy:

Do mối quan hệ anh em, họ hàng *(chị **O** là em họ của anh **L**),* nên ngày 05/02/2020 anh chị **O** có cho anh **L** vay số tiền là 2.800.000.000đ *(hai tỷ tám trăm triệu đồng),* để chứng minh cho yêu cầu của mình thì chị **O** đã cung cấp cho Tòa án Giấy vay tiền ngày 05/02/2020 có chữ ký và điểm chỉ của chị Nguyễn Thị Lan **O** và anh Nguyễn Gia **L**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập bị đơn anh **L** đến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn anh **L** vắng mặt mà không có lý do.

Do anh **L** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự *(sau đây viết tắt là BLDS)* năm 2015, cho nên Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 2.800.000.000đ *(hai tỷ tám trăm triệu đồng)* cho nguyên đơn chị **O** là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **O** buộc anh **L** có nghĩa vụ trả lãi với mức lãi suất là 0,56%/tháng, hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay tiền ngày 05/02/2020 thể hiện hai bên có thoả thuận lãi suất với nhau, cụ thể *"mức lãi suất do 2 bên thoả thuận tính theo từng thời điểm*", trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn chị **O** cho rằng hai bên có thoả thuận mức lãi suất là theo lãi suất ngân hàng. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình thì nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời nại ra này, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 quy định "*Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*". Như vậy, theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn thì mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này cao nhất là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, nguyên đơn yêu cầu mức lãi 0,56%/tháng là thấp hơn mức 0,83%/tháng nên có cơ sở để chấp nhận. Nguyên đơn chị **O** cho rằng kể từ thời điểm vay cho đến nay phía bị đơn không có trả lãi cho nguyên đơn được đồng

nào, nên thời gian tính lãi được tính từ ngày 05/03/2020 cho đến khi làm đơn khởi kiện là 27 tháng *(đã làm tròn),* chỉ yêu cầu tính lãi bằng lãi trong hạn, không yêu cầu tính lãi theo mức phạt lãi trả chậm là có cơ sở, nên chấp nhận.

Số tiền lãi bị đơn anh **L** phải trả cho nguyên đơn chị **O** là: (2.800.000.000đ X 0,56%/tháng) X 27 tháng = 423.360.000đ *(bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi bị đơn anh **L** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị **O** là: 2.800.000.000đ + 423.360.000đ = 3.223.360.000đ *(ba tỷ hai trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan **O** được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu tiền án phí và được nhận lại số tiền 48.234.000 đồng chị **O** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005613 ngày 14/09/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện **ĐS**.

Bị đơn anh Nguyễn Gia **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 96.468.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và 273 BLTTDS; Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan **O**: Buộc anh Nguyễn Gia **L** phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Lan **O** số tiền nợ gốc là 2.800.000.000đ *(hai tỷ tám trăm triệu đồng),* tiền lãi là 423.360.000đ *(bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng),* tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 3.223.360.000đ *(ba tỷ hai trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị **O** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh **L** còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Gia **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 96.468.000đ *(chín mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng)*. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Lan **O** số tiền 48.234.000đ *bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng)* chị **O** đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân

sự huyện **ĐS** theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0005613 ngày 14/09/2022.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị **O**, vắng mặt anh **L**. Chị **O** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh **L** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện **ĐS**;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện **ĐS**;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn L **Trịnh Thị Bình** **Nguyễn Thanh Tân**